

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ KIỂM TOÁN
VÀ TƯ VẤN UHY**

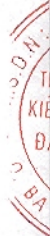
*các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2013*

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN LUYỆN

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	3
CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	4 - 5
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	6
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	7
Thuyết minh các Báo cáo tài chính	8 - 13



CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH DỊCH VỤ KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY (sau đây gọi là “Công ty”) trình bày Báo cáo này và các Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2013.

CÔNG TY

Công ty TNHH DỊCH VỤ KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY là công ty TNHH hai thành viên trở lên được thành lập theo Giấy Đăng ký Doanh nghiệp số 0102021062 ngày 29 tháng 08 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ sáu ngày 26 tháng 11 năm 2012. Vốn điều lệ của Công ty là 5.000.000.000 đồng.

Hoạt động chính của Công ty kỳ này và các năm trước là kiểm toán các báo cáo tài chính, dịch vụ kế toán, tư vấn quản lý, soát xét các báo cáo tài chính và các dịch vụ khác về tài chính, kế toán, thuế.

Công ty có trụ sở chính tại tầng 9, tòa nhà HL, ngõ 82 phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội. Công ty có một Chi nhánh hạch toán phụ thuộc đặt tại: Số 46 Trương Quyền, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Lợi nhuận thuần sau thuế trong năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2013 của Công ty được trình bày trên Báo cáo Kết quả Hoạt động Kinh doanh tại trang 6.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY LẬP BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày lập Bảng cân đối kế toán yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Thành viên Hội đồng thành viên và Ban Giám đốc trong kỳ và tại ngày lập Báo cáo này như sau:

Ông Đào Xuân Dũng	Chủ tịch Hội đồng Thành viên
Ông Nguyễn Tự Trung	Tổng Giám đốc
Ông Trần Quý Phán	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Gia Đạt	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Minh Long	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Phương Thảo	Phó Tổng Giám đốc
Ông Tống Gia Viễn	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm từ 01/9/2013)
Ông Phan Thanh Điền	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm từ 01/9/2013)
	Kiểm Giám đốc Chi nhánh

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Đầu tư Tài chính Châu Á (FADACO) kiểm toán các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2013 và bày tỏ nguyện vọng được tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty các năm sau.

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo các Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình chuẩn bị các Báo cáo tài chính này, Tổng Giám đốc có trách nhiệm:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các Báo cáo tài chính; và
- Lập các Báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp cho rằng Công ty sẽ không thể tiếp tục hoạt động.

Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các Báo cáo tài chính.

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chúng tôi đã phê duyệt các Báo cáo tài chính kèm theo. Các Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 09 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định có liên quan.

Thay mặt Ban Giám đốc



Ông Nguyễn Tự Trung
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 12 năm 2013

Số: ...*01A*.../2014/BCTC/FADACO

BÁO CÁO KIỂM TOÁN
các Báo cáo tài chính của Công ty TNHH DỊCH VỤ KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY
cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2013

Kính gửi: **BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY**

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn đầu tư tài chính Châu Á (FADACO), đã kiểm toán các Báo cáo Tài chính của Công ty TNHH DỊCH VỤ KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY (sau đây gọi là "Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2013 gồm: Bảng cân đối kế toán lập tại ngày 30 tháng 09 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 4 đến trang 13. Việc lập và trình bày các Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo tài chính này dựa trên việc kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến kiểm toán

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các quy định của các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được mức tin cậy hợp lý về việc các Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu. Việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, theo phương pháp chọn mẫu, các bằng chứng về số liệu và các thuyết minh trên các Báo cáo tài chính. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán đã được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể các Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán của chúng tôi cung cấp cơ sở hợp lý cho ý kiến kiểm toán.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, các Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty TNHH DỊCH VỤ KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY vào ngày 30 tháng 09 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Hệ thống Kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định có liên quan.



Vũ Khải Hoàn
Giám đốc
Kiểm toán viên đã đăng ký
Số Giấy đăng ký: 0131-2013-111-1

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 30 tháng 12 năm 2013



Trần Tuấn Anh
Kiểm toán viên đã đăng ký
Số Giấy đăng ký: 1315-2013-111-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

tại ngày 30 tháng 09 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A. Tài sản ngắn hạn	100		19.045.810.989	18.379.676.034
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		1.698.696.766	1.312.219.893
1. Tiền	111	V.1	1.698.696.766	1.312.219.893
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		3.485.547.128	3.491.619.581
1. Phải thu của khách hàng	131		2.486.238.495	2.305.786.647
2. Trả trước cho người bán	132		590.845.000	471.321.627
5. Các khoản phải thu khác	135		479.226.231	768.331.717
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(70.762.598)	(53.820.410)
IV. Hàng tồn kho	140		13.236.184.614	12.665.722.243
1. Hàng tồn kho	141	V.2	13.236.184.614	12.665.722.243
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		625.382.481	910.114.317
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		212.464.280	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		20.669.874	27.642.101
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		392.248.327	882.472.216
B. Tài sản dài hạn	200		5.358.876.730	4.401.048.185
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		4.269.168.112	3.586.253.610
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.3	1.269.168.112	564.878.617
- Nguyên giá	222		2.176.822.786	1.909.325.600
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(907.654.674)	(1.344.446.983)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	21.374.993
- Nguyên giá	228		-	30.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	(8.625.007)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.4	3.000.000.000	3.000.000.000
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	30.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	175.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	(145.000.000)
V. Tài sản dài hạn khác	260		1.089.708.618	784.794.575
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.5	877.608.618	708.794.575
3. Tài sản dài hạn khác	268		212.100.000	76.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		24.404.687.719	22.780.724.220

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

tại ngày 30 tháng 09 năm 2013

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A. Nợ phải trả	300		18.938.211.794	17.648.990.445
I. Nợ ngắn hạn	310		17.122.279.565	17.276.306.227
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		159.600.000	-
2. Phải trả người bán	312		683.601.729	444.920.722
3. Người mua trả tiền trước	313		12.791.012.961	12.425.254.488
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.6	733.052.095	486.993.477
5. Phải trả người lao động	315		1.873.375.723	1.848.690.875
6. Chi phí phải trả	316		592.174.685	723.426.868
9. Các khoản phải trả phải nộp khác	319		289.462.372	1.347.019.797
II. Nợ dài hạn	330		1.815.932.229	372.684.218
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.7	520.700.000	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		506.141.320	372.684.218
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		789.090.909	-
B. Vốn chủ sở hữu	400		5.466.475.925	5.131.733.775
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.8	5.466.475.925	5.131.733.775
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		5.000.000.000	5.000.000.000
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		466.475.925	131.733.775
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		24.404.687.719	22.780.724.220

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
5. Ngoại tệ các loại-USD		6.067,46	29.129,22

naik

Bà Đặng Thị Quỳnh Trang
Kế Toán trưởng

Ngày 30 tháng 12 năm 2013



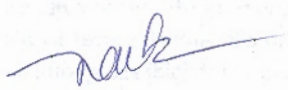
Ông Nguyễn Tự Trung
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2013

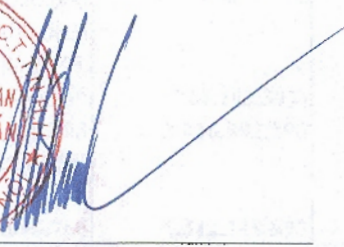
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	25.540.679.289	22.884.763.790
2. Các khoản giảm trừ	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		25.540.679.289	22.884.763.790
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	17.716.379.870	15.726.429.978
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		7.824.299.419	7.158.333.812
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	35.747.443	125.115.040
7. Chi phí tài chính	22		(58.930.762)	160.732
+ Trong đó: Chi phí lãi vay	23		81.761.784	49.813.083
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		7.647.332.595	8.017.821.491
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		271.645.029	(734.533.371)
11. Thu nhập khác	31		268.367.748	806.697.547
12. Chi phí khác	32		93.689.910	20.113.037
13. Lợi nhuận khác	40		174.677.838	786.584.510
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		446.322.867	52.051.139
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		111.580.717	9.108.949
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		334.742.150	42.942.190


Bà Đặng Thị Quỳnh Trang
Kế Toán trưởng

Ngày 30 tháng 12 năm 2013




Ông Nguyễn Tự Trung
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(theo phương pháp gián tiếp)*

cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		446.322.867	52.051.139
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ	02		350.775.877	261.111.213
- Các khoản dự phòng	03		5.399.290	(924.155.249)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		1.259.276	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(99.188.276)	-
- Chi phí lãi vay	06		81.761.784	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		786.330.818	(610.992.897)
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		486.326.381	(169.641.596)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		(570.462.371)	(3.548.602.809)
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả	11		278.285.543	3.863.364.607
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		(306.071.100)	(54.334.318)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(81.761.784)	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(13.012.785)	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(73.236.670)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		506.398.032	(520.207.013)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21		(1.117.554.546)	(204.075.384)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22		107.845.220	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		175.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay	27		35.747.443	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(798.961.883)	(204.075.384)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		800.000.000	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(119.700.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		680.300.000	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		387.736.149	(724.282.397)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	V.1	1.312.219.893	2.036.502.290
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(1.259.276)	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	1.698.696.766	1.312.219.893


Bà Đặng Thị Quỳnh Trang
Kế Toán trưởng

Ngày 30 tháng 12 năm 2013


Ông Nguyễn Tự Trung
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2013

I. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty TNHH DỊCH VỤ KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY là công ty TNHH hai thành viên trở lên được thành lập theo Giấy Đăng ký Doanh nghiệp số 0102021062 ngày 29 tháng 08 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ sáu ngày 26 tháng 11 năm 2012. Vốn điều lệ của Công ty là 5.000.000.000 đồng.

Hoạt động chính của Công ty kỳ này và các năm trước là kiểm toán các báo cáo tài chính, dịch vụ kế toán, tư vấn quản lý, soát xét các báo cáo tài chính và các dịch vụ khác về tài chính, kế toán, thuế.

Công ty có trụ sở chính tại tầng 9, tòa nhà HL, ngõ 82 phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội. Công ty có một Chi nhánh hạch toán phụ thuộc đặt tại: Số 46 Trương Quyền, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 10 và kết thúc ngày 30 tháng 09.

Công ty thực hiện việc ghi chép sổ sách kế toán bằng đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Các Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và các văn bản hướng dẫn khác.

Các Báo cáo tài chính kèm theo được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán, thủ tục kế toán và các thông lệ Báo cáo được chấp nhận rộng rãi tại Việt Nam. Vì vậy, việc sử dụng các Báo cáo Tài chính này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin, thủ tục và nguyên tắc kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG***Tiền và các khoản tương đương tiền***

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên các Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2013

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng cho tất cả các tài sản cố định hữu hình và vô hình trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của tài sản như sau:

Máy móc thiết bị	3 – 5 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 năm
Thiết bị văn phòng	3 – 5 năm

Chi phí trả trước

Công cụ và vật phẩm tiêu hao có giá trị lớn sử dụng cho hoạt động kinh doanh được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần trong 12-24 tháng vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản phải trả và trích trước

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp có giao dịch phát sinh. Tại thời điểm cuối năm tài sản và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được kết chuyển vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định theo tỉ lệ phần trăm của số giờ công lao động phát sinh cho đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm trên tổng số giờ công lao động ước tính cho mỗi hợp đồng. Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở trích trước (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2013

Thuế**Thuế hiện hành**

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

V.1 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	60.633.106	48.812.412
Tiền gửi ngân hàng	1.638.063.660	1.263.407.481
Cộng	1.698.696.766	1.312.219.893

V.2 HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	13.236.184.614	12.665.722.243
Cộng giá gốc hàng tồn kho	13.236.184.614	12.665.722.243

V.3 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Khoản mục	Máy móc, thiết bị	PT vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	687.133.339	1.175.578.399	46.613.862	1.909.325.600
Tăng trong năm	-	1.117.554.546	-	1.117.554.546
<i>Mua sắm</i>	-	1.117.554.546	-	1.117.554.546
Giảm trong năm	498.987.143	351.070.217	-	850.057.360
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>	13.199.000	351.070.217	-	364.269.217
<i>Chuyển sang CCDC (*)</i>	485.788.143	-	-	485.788.143
Số cuối năm	188.146.196	1.942.062.728	46.613.862	2.176.822.786
Hao mòn lũy kế				
Số đầu năm	455.036.155	851.677.430	37.733.398	1.344.446.983
Tăng trong năm	83.114.095	270.791.337	1.551.512	355.456.944
<i>Trích khấu hao</i>	83.114.095	270.791.337	1.551.512	355.456.944
Giảm trong năm	441.415.531	345.053.089	5.780.633	792.249.253
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>	10.559.184	335.275.217	-	345.834.401
<i>Chuyển sang CCDC (*)</i>	430.856.347	9.777.872	5.780.633	446.414.852
Số cuối năm	96.734.719	777.415.678	33.504.277	907.654.674
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	232.097.184	323.900.969	8.880.464	564.878.617
Số cuối năm	91.411.477	1.164.647.050	13.109.585	1.269.168.112

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2013

(*): Đây là các tài sản được chuyển sang công cụ dụng cụ theo hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 và có hiệu lực thi hành từ ngày 10 tháng 06 năm 2013.

V. 4 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	Số cuối năm	Số đầu năm
Hợp tác kinh doanh BDS với công ty An Thịnh	3.000.000.000	3.000.000.000
Cộng	3.000.000.000	3.000.000.000

V. 5 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ có giá trị lớn	119.364.585	206.852.554
Chi phí trả trước về sửa chữa văn phòng	216.119.748	-
Chi phí trả trước về đào tạo	50.288.774	130.848.151
Chi phí trả trước dài hạn khác	491.835.511	371.093.870
Cộng	877.608.618	708.794.575

V. 6 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế giá trị gia tăng	581.576.903	469.763.963
Thuế thu nhập doanh nghiệp	91.595.705	-
Thuế thu nhập cá nhân	59.879.487	17.229.514
Cộng	733.052.095	486.993.477

V. 7 VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Ba Đình	520.700.000	-
Cộng	520.700.000	-

V. 8 VỐN CHỦ SỞ HỮU**a. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

Nội dung	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm	5.000.000.000	131.733.775	5.131.733.775
Tăng trong năm	-	334.742.150	334.742.150
- Lãi trong năm	-	334.742.150	334.742.150
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư cuối năm	5.000.000.000	466.475.925	5.466.475.925



THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2013

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Vốn điều lệ		Vốn điều lệ đã góp	Vốn điều lệ chưa góp
	Theo Giấy đăng ký kinh doanh	%		
Ông Đào Xuân Dũng	2.900.000.000	58%	2.900.000.000	-
Ông Nguyễn Tự Trung	500.000.000	10%	500.000.000	-
Ông Trần Quý Phán	350.000.000	7%	350.000.000	-
Ông Phạm Gia Đạt	550.000.000	11%	550.000.000	-
Ông Nguyễn Minh Long	350.000.000	7%	350.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Phương Thảo	350.000.000	7%	350.000.000	-
Cộng	5.000.000.000	100%	5.000.000.000	-

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

VI.1 DOANH THU CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	25.540.679.289	22.884.763.790
Trong đó		
Doanh thu cung cấp dịch vụ kiểm toán	21.255.804.385	21.492.305.063
Doanh thu cung cấp dịch vụ tư vấn	4.284.874.904	1.392.458.727
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	25.540.679.289	22.884.763.790

VI.2 GIÁ VỐN DỊCH VỤ ĐÃ CUNG CẤP

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	17.716.379.870	15.726.429.978
Cộng	17.716.379.870	15.726.429.978

VI.3 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	35.747.443	125.115.040
Cộng	35.747.443	125.115.040

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC**VII.1 SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên các Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2012 đã được Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế Unistars kiểm toán.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2013

VII.2 PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các Báo cáo tài chính tại ngày 30 tháng 09 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được Tổng Giám đốc phê duyệt để phát hành vào ngày 30 tháng 12 năm 2013.



Bà Đặng Thị Quỳnh Trang
Kế Toán trưởng

Ngày 30 tháng 12 năm 2013



Ông Nguyễn Tự Trung
Tổng Giám đốc

